

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2018
V/v “Không công nhận vợ chồng
giữa ông D và bà C”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh

2. Ông Trần Văn Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Quốc Sĩ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **V.B.D**, sinh năm 1971 – có mặt

Địa chỉ: Tổ 1, ấp CK, xã TH, huyện TC, tỉnh TN.

2. *Bị đơn:* Chị **N.T.C**, sinh năm 1973 – vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: A4/1B, ấp TT, xã TH, huyện HT, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2018, quá trình cung cấp chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn anh V.B.D trình bày:

Anh và chị N.T.C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, do tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Anh và chị chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không còn phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi nhau, tình cảm không còn, không thể hàn gắn. Hiện tại anh chị đã sống ly thân từ năm

1994 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống không còn hạnh phúc, anh D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị C là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên V.T.T.T, sinh ngày 21/7/1993, hiện đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 5 năm 2018 bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị xác định chung sống vợ chồng với anh D từ năm 1992 là do tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do **không còn phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm, anh chị thường xuyên cãi nhau, cả 02 đã sống ly thân từ năm 1994 cho đến nay.** Nay chị cũng yêu cầu Tòa án giải quyết không nhận chị và anh D là vợ chồng.

Về con chung: Cả hai có một con chung hiện đã trưởng thành như anh D trình bày.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:

1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Bị đơn chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị C là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3/Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị C là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Anh V.B.D khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị N.T.C là vợ chồng. Chị C hiện cư trú tại A4/1B, ấp TT, xã TH, huyện HT, tỉnh TN. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của anh D thấy rằng: Anh D và chị C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh D, chị C yêu cầu Tòa án không công nhận cả hai là vợ chồng, căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị C.

[4] Anh D, chị C có một con chung tên V.T.T.T, sinh ngày 21/7/1993, hiện đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung : Anh D, chị C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh V.B.D và chị N.T. C là vợ chồng.

Về con chung: Có một người tên V.T.T.T, sinh ngày 21/7/1993, hiện đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D, chị C trình bày không có, không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Anh V.B.D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0019759** ngày **12** tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh D đã nộp xong.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.

Dương Thúy Hằng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA